

Bản án số: 18/2022/HNGĐ - ST
Ngày 28-7-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Dũng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 27-4-2017 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến

mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra còn do anh T thường xuyên uống rượu say rồi gây sự chửi mắng chị. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng không thể cải thiện được. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ giữa năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ để chị ở từ đó cho đến nay, không quay về chung sống với anh T nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Nay chị N xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh T thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về con riêng: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn: Chị N, anh T đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình không ký ghi họ tên vào biên bản lấy lời khai đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị N, xử: Ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Bùi Văn T. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Bùi Văn T là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27-4-2017 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bên cạnh đó anh T thường xuyên uống rượu say rồi mắng chửi chị N thậm tệ. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh T, còn bản thân anh T mặc dù không kí vào biên bản lấy lời khai nhưng anh cũng có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế, vợ chồng li thân nhau đã hơn bốn năm, tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh nhất trí ly hôn chị N. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị N và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho ly hôn giữa chị N và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về con riêng*: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn*: Chị N, anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và

gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Bùi Văn T.

2. Án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000108 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị N đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Hoàng Tây;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

